

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh

Mã SV: 13124010077

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm.
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2016 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Vũ Lâm

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 5 tháng 4 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 25 tháng 6 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

-Sinh viên Nguyễn Thị Thanh, lớp QT1701K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

-Đồng thời, sinh viên Thanh rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận. Ngoài ra sinh viên Thanh còn thể hiện quá trình nghiên cứu nghiêm túc thể hiện ở nội dung bài viết khá sâu và số liệu khá phong phú.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

-Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vũ Lâm. Số liệu được khảo sát năm 2016 khá phong phú và logic.

- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Vũ Lâm. Các kiến nghị được đánh giá có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	4
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	4
1.1.3.1 Doanh thu	4
1.1.3.2 Chi phí	6
1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	10
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	12
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	13
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	13
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	14
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	16
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	16
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	16
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	17

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	19
1.2.4.2 Phương pháp hạch toán	19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	21
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	21
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	21
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	23
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	23
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	23
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	25
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	26
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	27
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	29
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM.....	34
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH VŨ LÂM	34
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	34
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty	36
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Vũ Lâm	38
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	38
2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	39
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	39
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán	40
2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính	41
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM	41
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty	41
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng	41
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng	41
2.2.1.4 Quy trình hạch toán	42

2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng.....	47
2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán	47
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng	47
2.2.2.3 Tài khoản sử dụng.....	47
2.2.2.4 Quy trình hạch toán.....	47
2.2.2.5 Ví dụ minh họa.....	48
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	53
2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	53
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng	53
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng.....	53
2.2.3.4 Quy trình hạch toán.....	54
2.2.3.5 Ví dụ minh họa.....	54
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	60
2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	60
2.2.4.2 Chứng từ sử dụng	60
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng.....	60
2.2.4.4 Quy trình hạch toán.....	60
2.2.4.5 Ví dụ minh họa.....	61
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	66
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	66
2.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh	66
2.2.6.2 Chứng từ sử dụng	66
2.2.6.3 Tài khoản sử dụng.....	66
2.2.6.4 Quy trình hạch toán.....	67
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT	
ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM	77
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ	
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY	
TNHH VŨ LÂM	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác	
định kết quả kinh doanh tại công ty	79

3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM	80
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	80
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	81
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh	81
3.2.4.1 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng tại công ty.	81
3.2.4.2Hiện đại hóa công tác kế toán	89
KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế Việt nam cũng đã hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Một quốc gia muốn phát triển thì không còn con đường nào khác là phải hòa nhập. Kể từ khi thực hiện chính sách kinh tế mở, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, các doanh nghiệp đã phát triển rất đa dạng và mạnh mẽ, bước đầu tham gia vào thương trường quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, một trong những biện pháp được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm hiện nay là công tác kế toán tài chính.

Trong công tác quản lý kinh tế thì công tác kế toán là một công cụ quản lý quan trọng của doanh nghiệp, với những thông tin mà kế toán cung cấp thì các nhà quản lý doanh nghiệp sẽ hiểu rõ hơn về tình hình quản lý của doanh nghiệp mình, đồng thời cũng có thể phân tích và đánh giá được tình hình sử dụng vốn, lao động và các nguồn lực đầu vào của doanh nghiệp, qua đó có thể sử dụng hợp lý hơn và tiết kiệm được nguồn lực mà vẫn tăng được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một biện pháp để tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài ra có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

Từ ý nghĩa và vai trò của công tác kế toán, qua việc áp dụng kiến thức đã học và thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH Vũ Lâm em xin trình bày bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm ba chương:

• **Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

• **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm.**

• **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm.**

Mặc dù đã rất cố gắng cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của cô giáo - ThS. Trần Thị Thanh Thảo, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vũ Lâm. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh

nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.3.1 Doanh thu

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...)

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

-Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. kết quả được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ *Thu nhập khác*

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 - “hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương ứng đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): áp dụng trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh*: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi

phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

❖ *Chi phí hoạt động tài chính*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

❖ *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận		Doanh thu		Các khoản		Giá vốn
gộp về bán	=	bán hàng và	-	giảm trừ	-	hàng bán
hàng và cung		cung cấp dịch		doanh thu		
cấp dịch vụ		vụ				

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- *Thuế TNDN phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

• **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

• *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

❖ Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán;
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

❖ Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

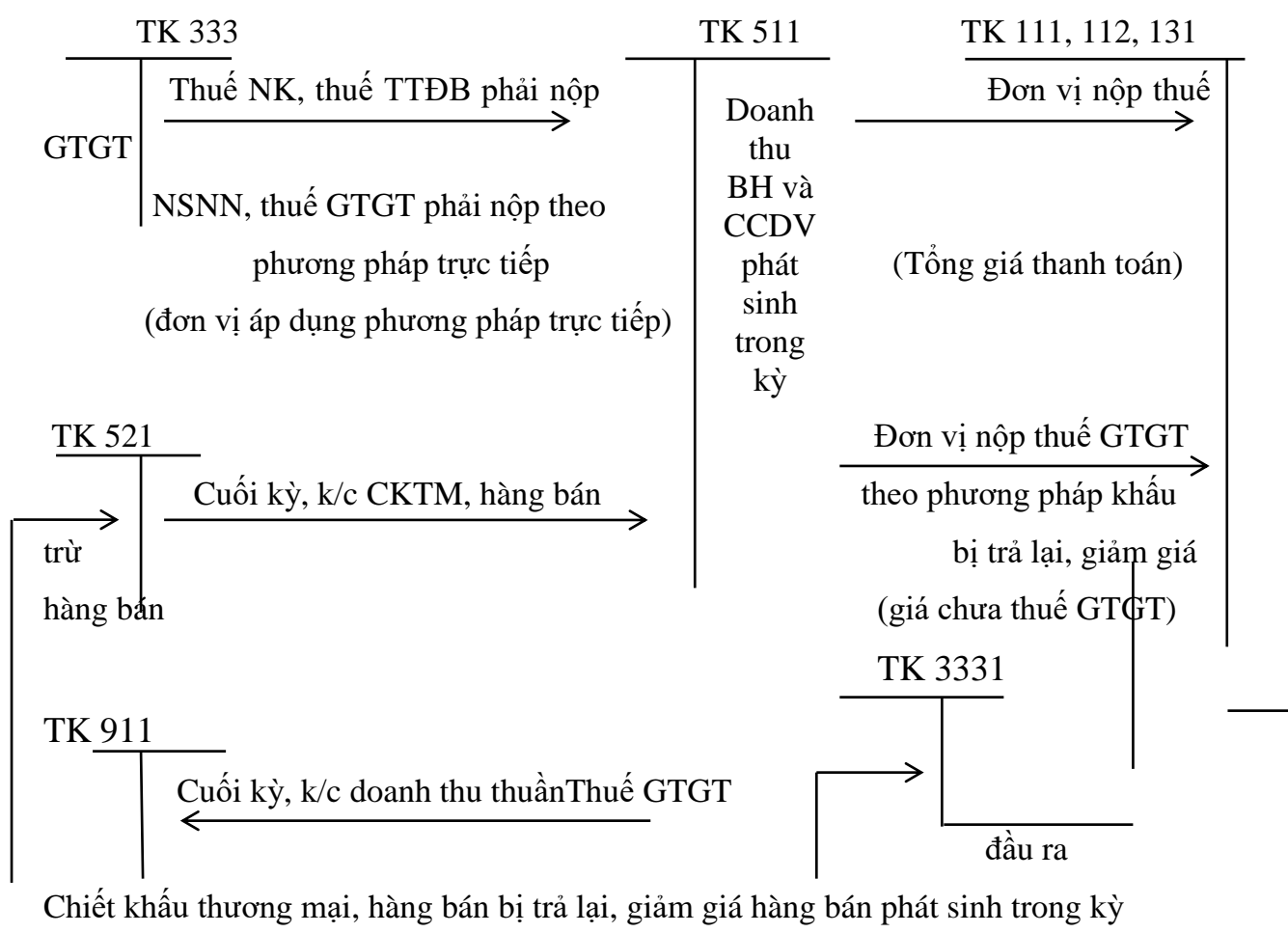
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoát thu nhưng chưa thực hiện việc thoát thu.

❖ *Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp;
- Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 632* - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

• Kết cấu

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên nợ:

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

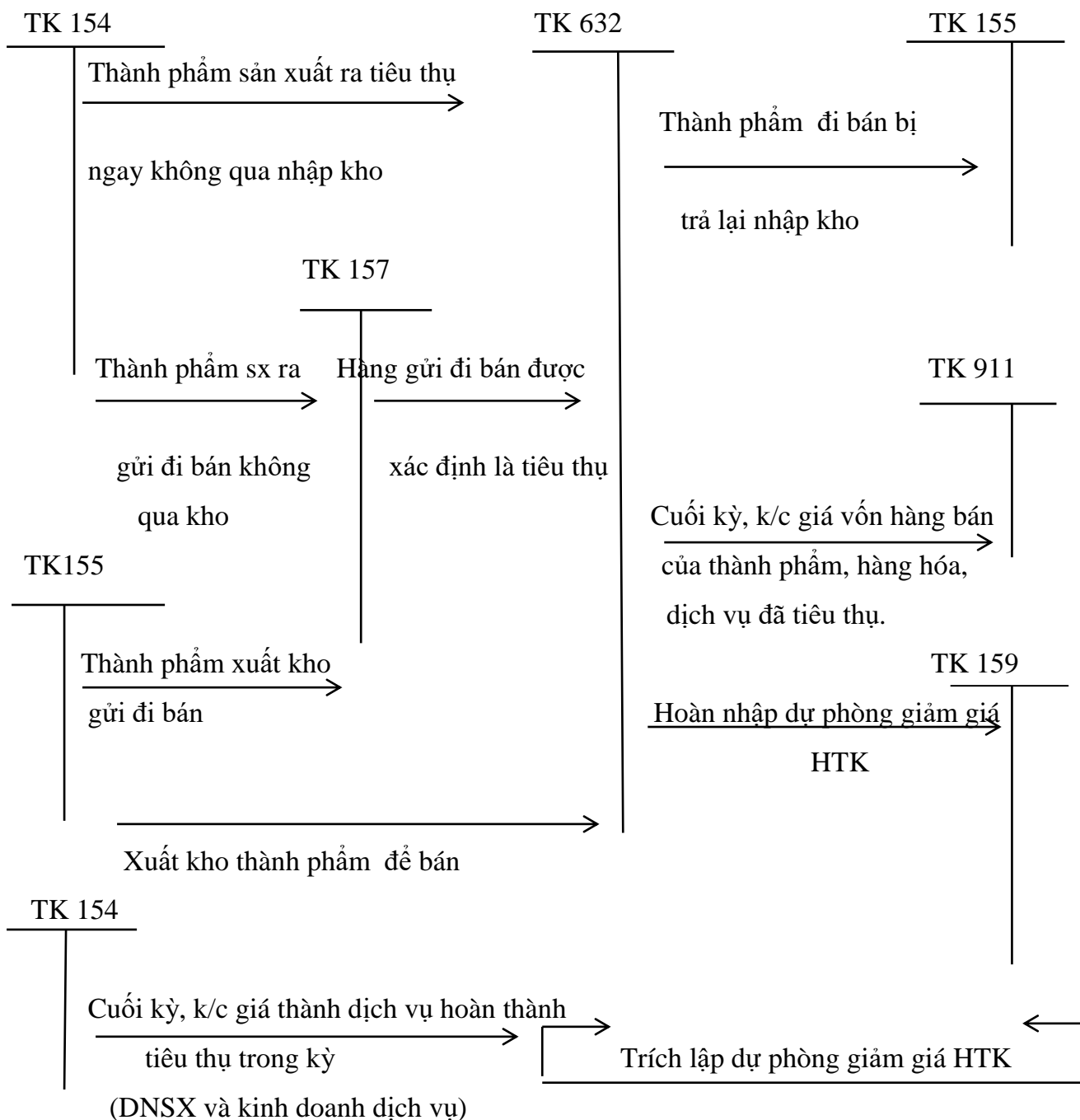
Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);

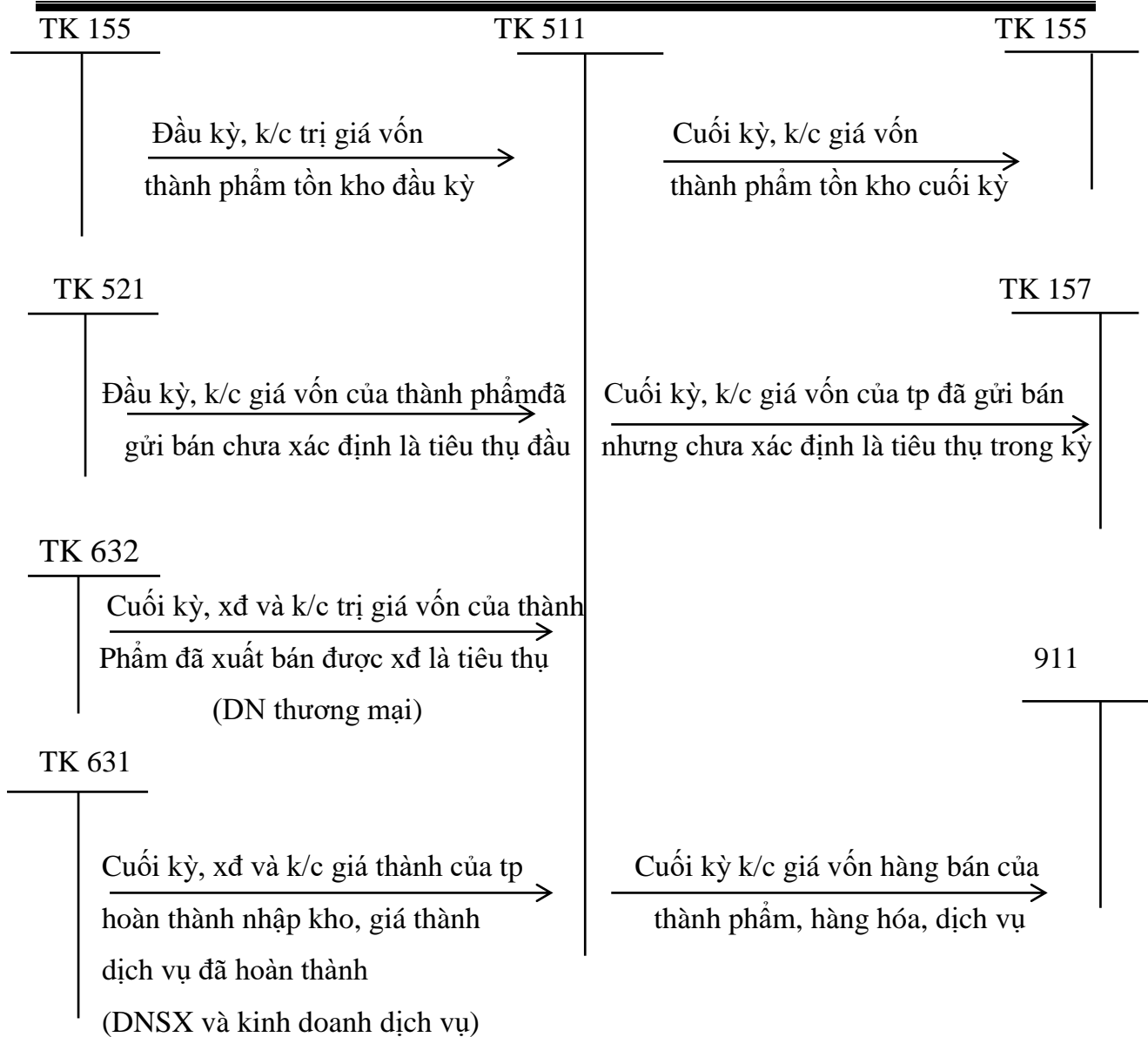
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515** - Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 -

“Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 635** - Chi phí tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

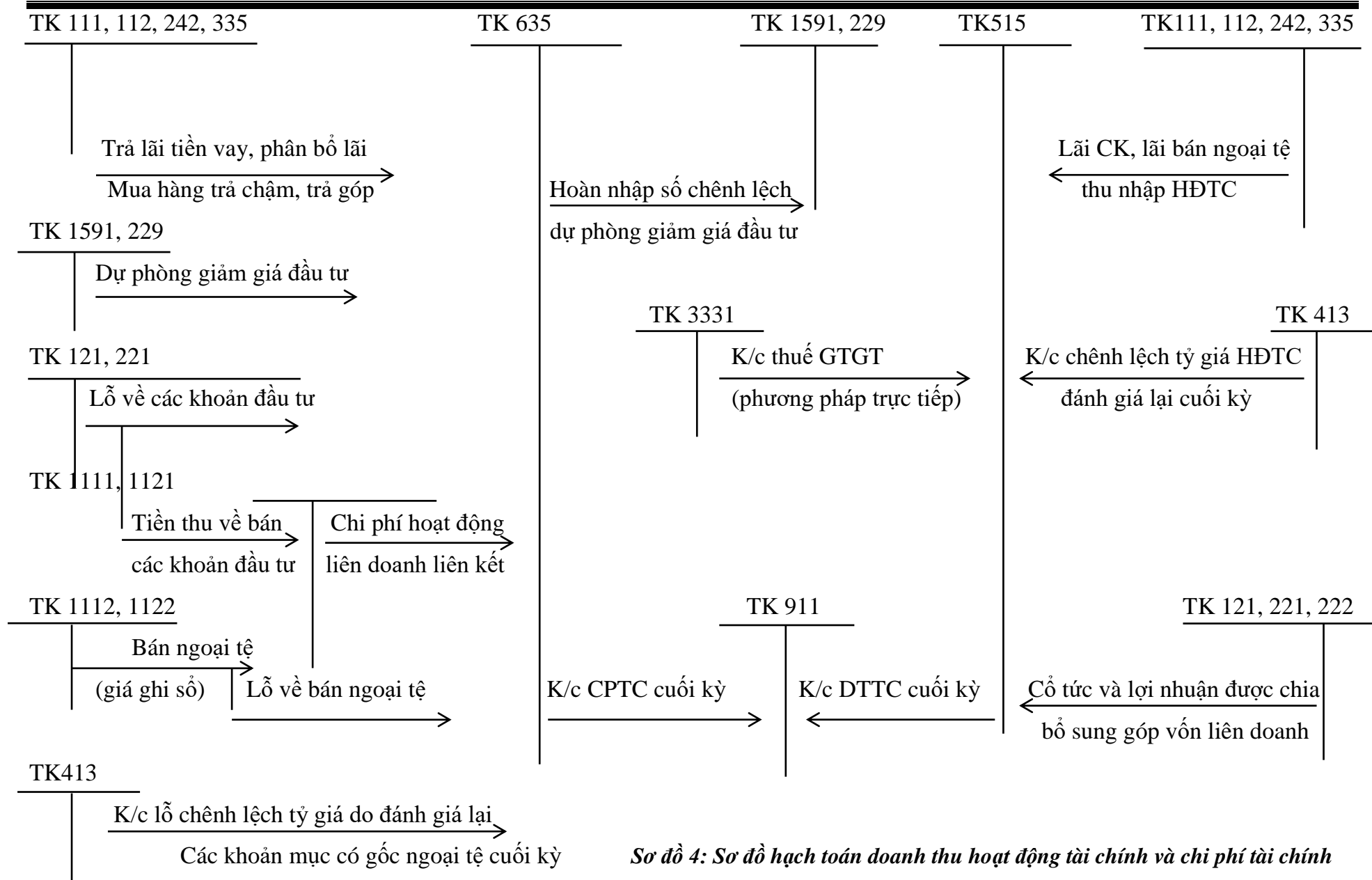
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 4 như sau:



Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT: giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ **Tài khoản 642** - Chi phí quản lý kinh doanh
 - Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

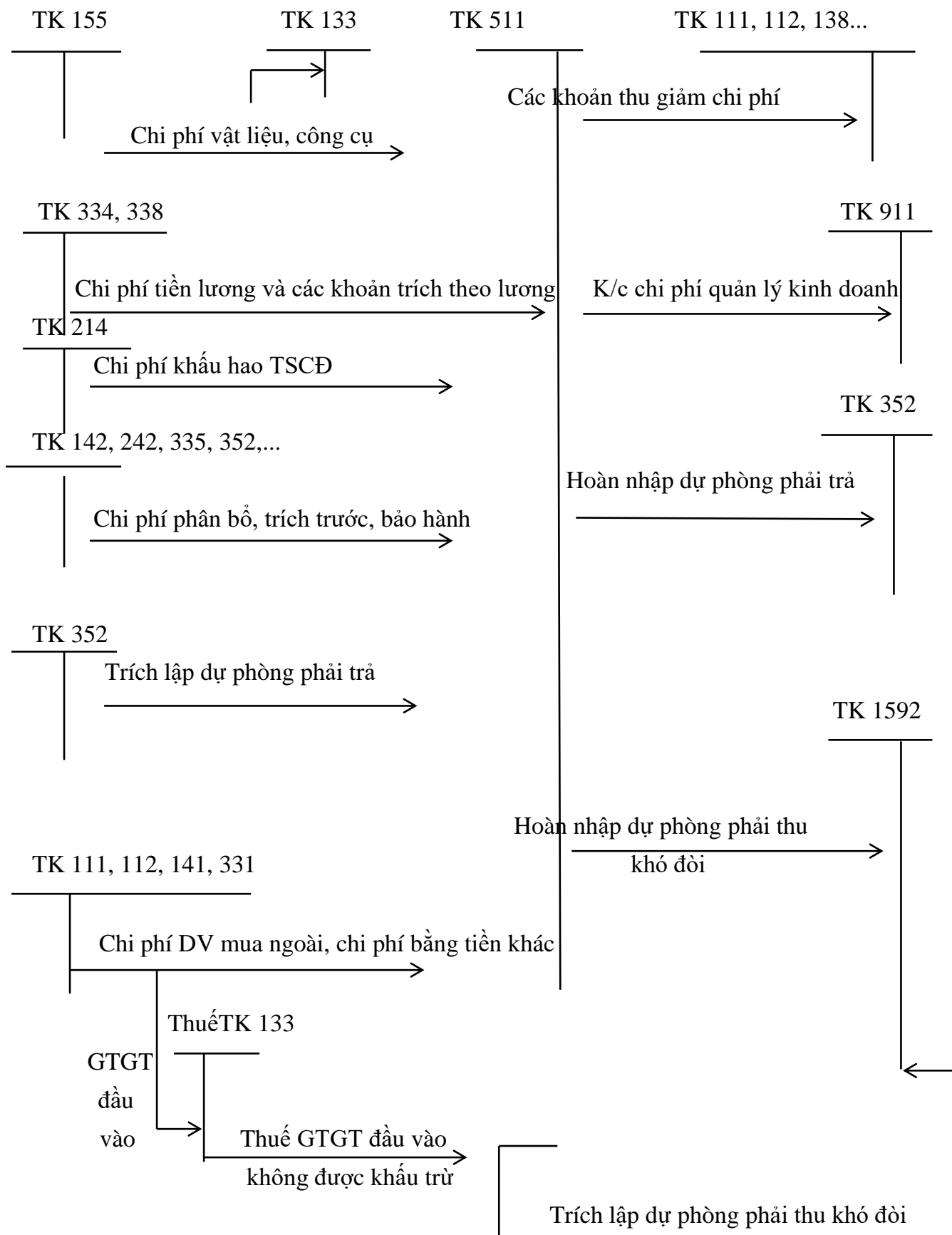
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.2 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 5: Sơ đồ hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 711* - Thu nhập khác

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 811* - Chi phí khác

- Kết cấu

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

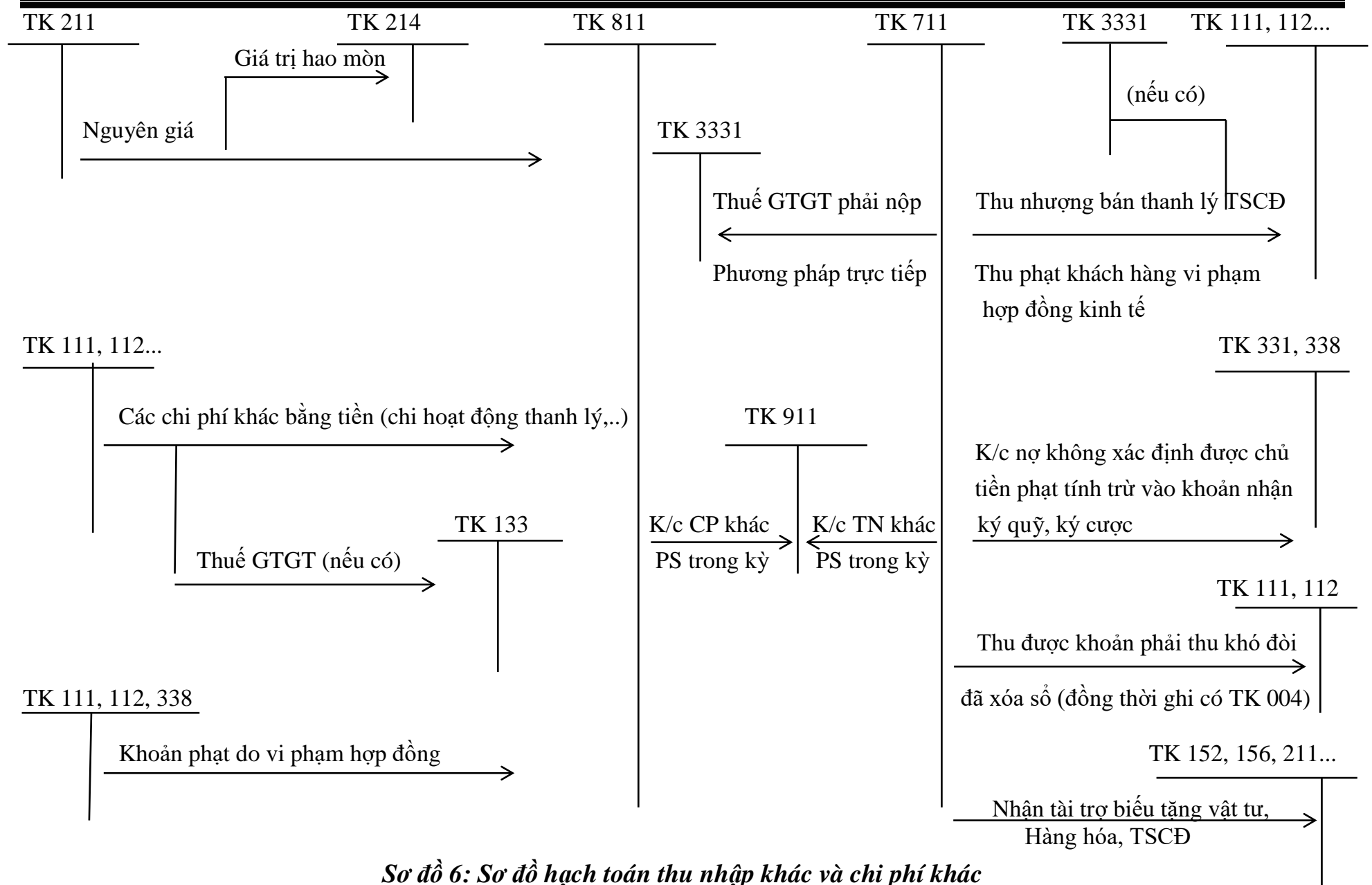
Bên có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 6 như sau:



Sơ đồ 6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 911** - Xác định kết quả kinh doanh

- Kết cấu

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

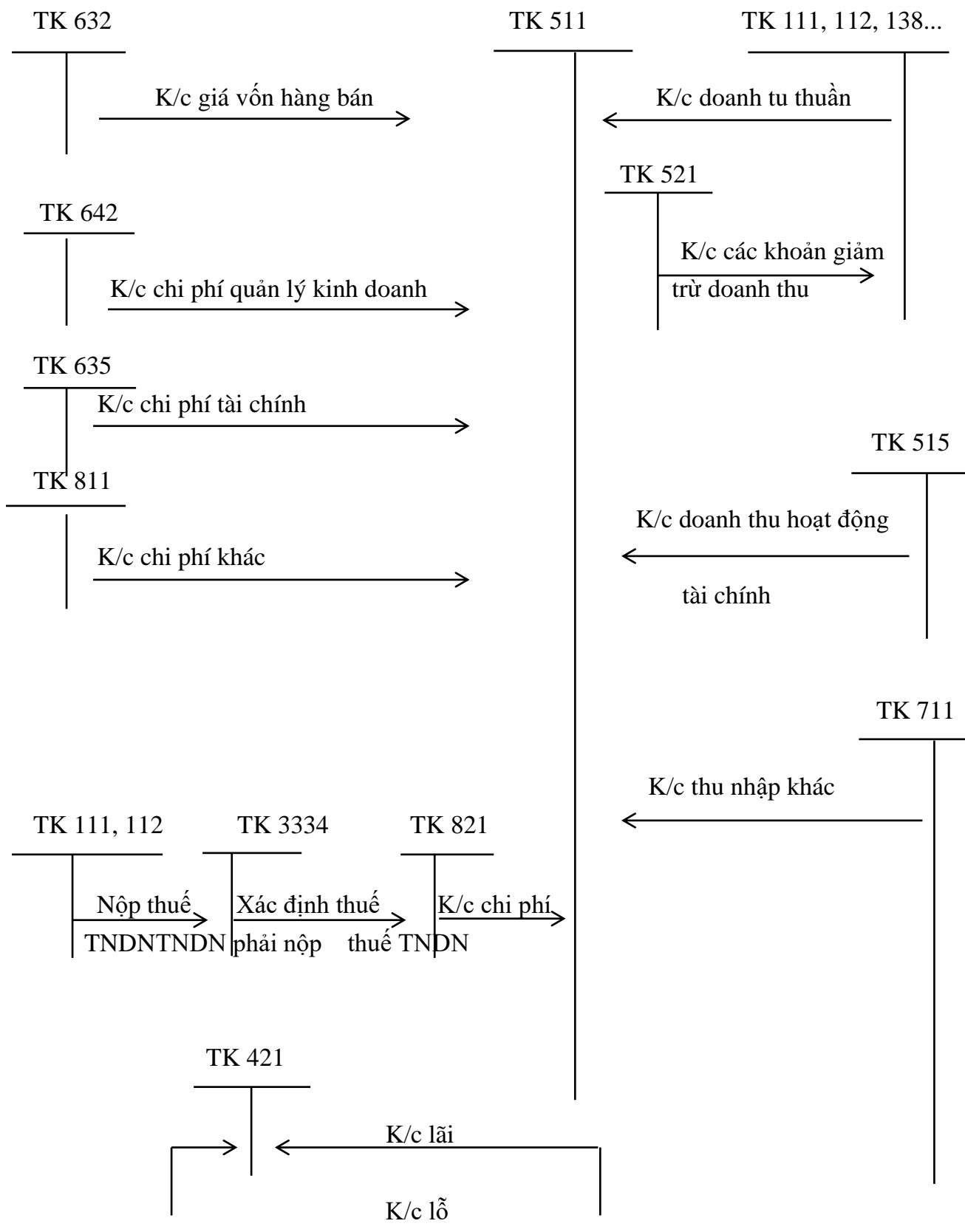
Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 7 như sau:



Sơ đồ 7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

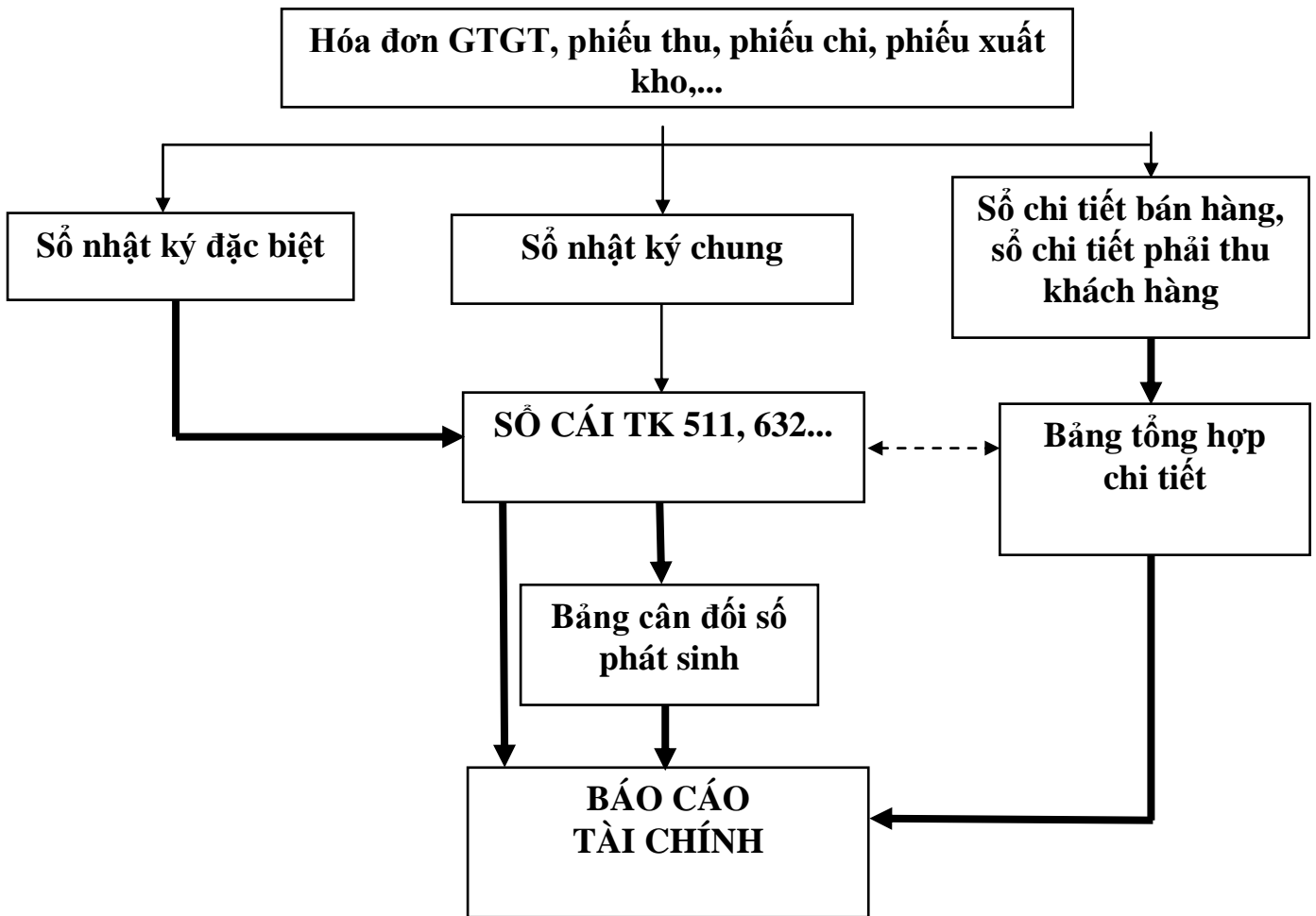
Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

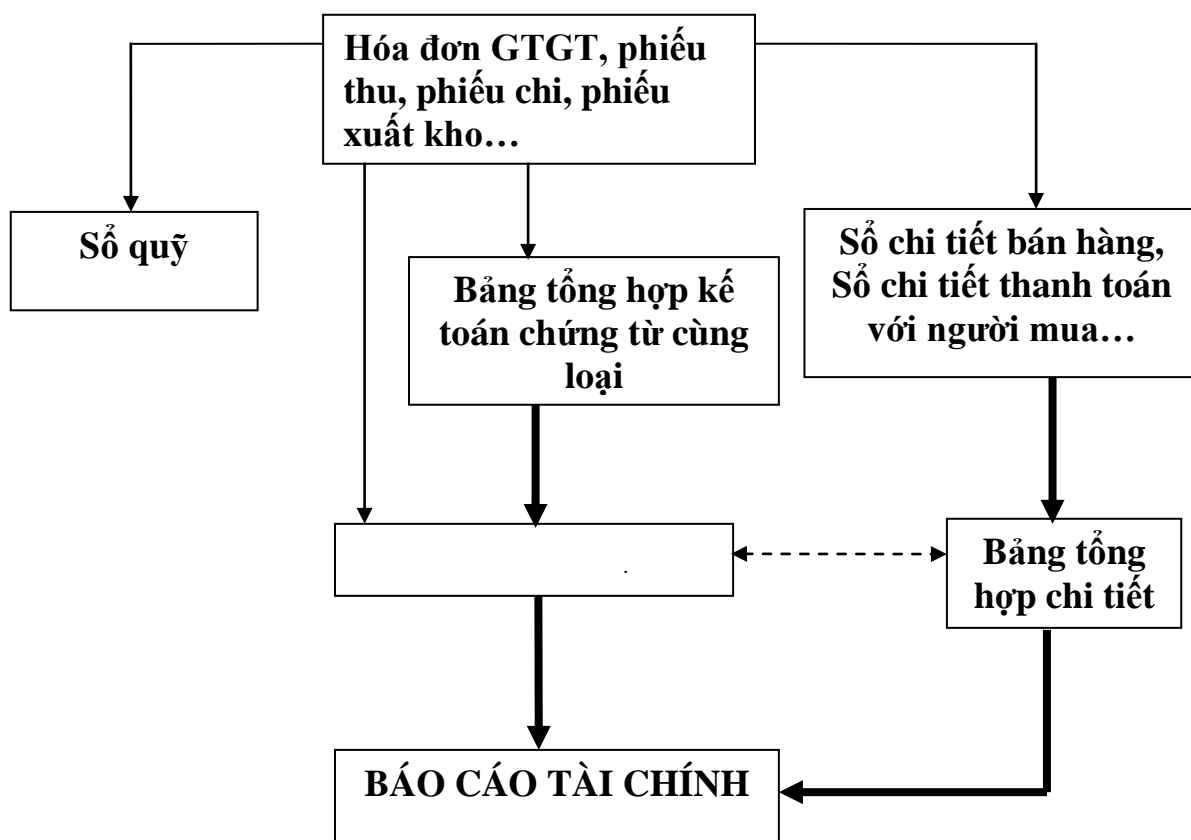
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: $\dashleftarrow \dashrightarrow$

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (Hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

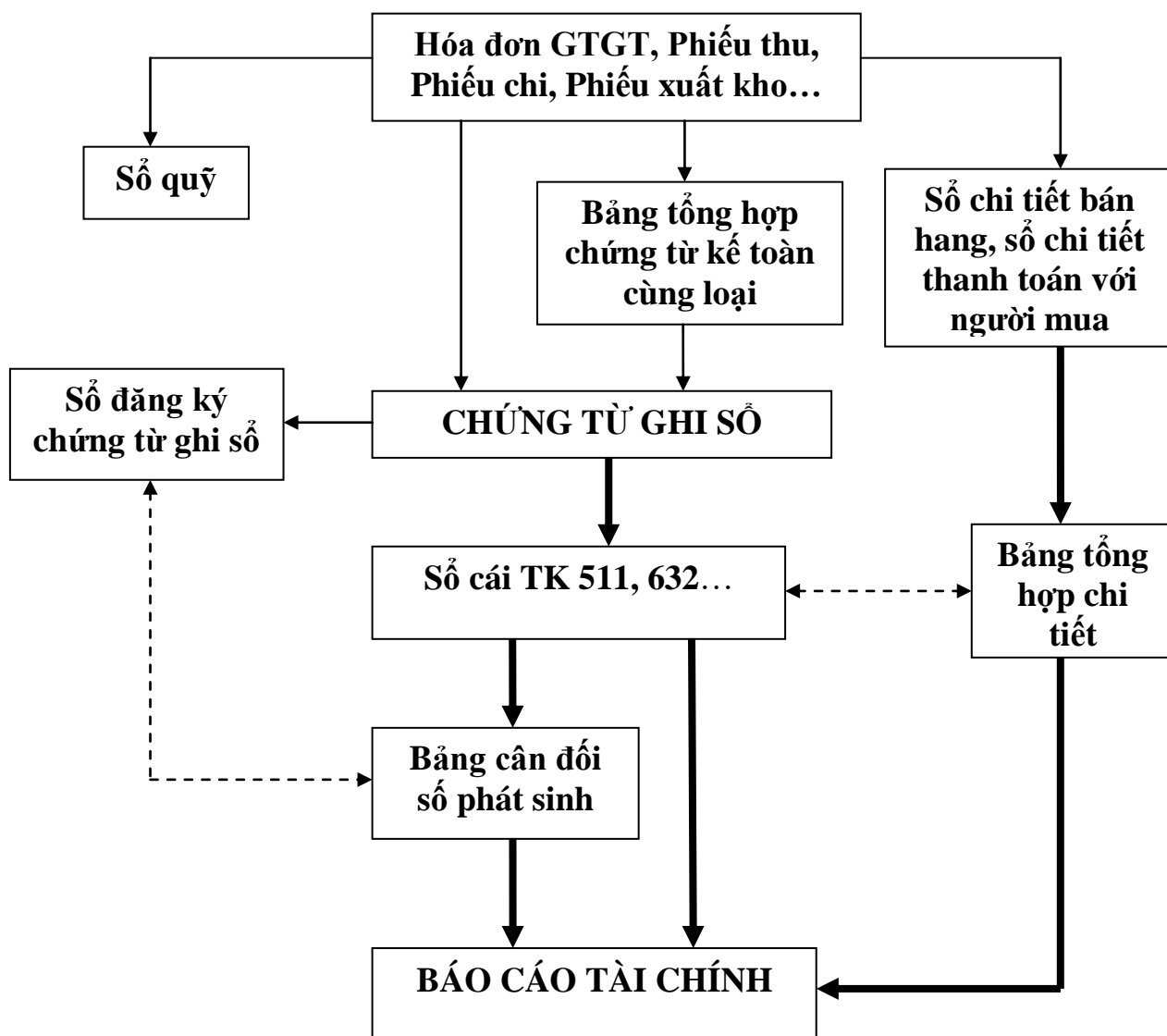
(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký- Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{“phát sinh” ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{nợ của tất cả các} \\ \text{Tài Khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{có của tất cả các} \\ \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashrightarrow

Hình thức hệ toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

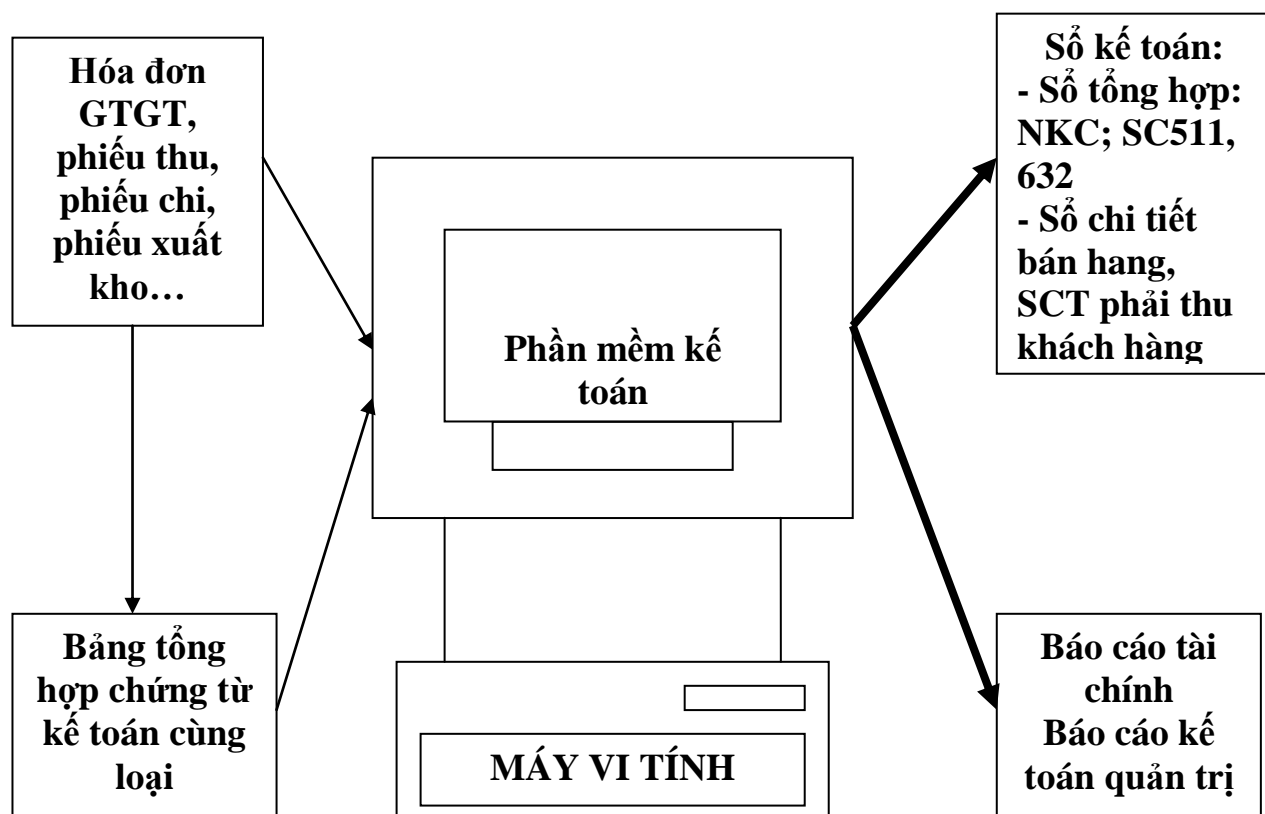
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính**Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \text{-----} \longrightarrow$

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ ào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa sổ

liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM****2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH VŨ LÂM****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH Vũ Lâm là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động kinh doanh thông qua sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty được thành lập vào ngày 27 tháng 12 năm 2007 với giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200782467 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với tên gọi và trụ sở như sau :

- :Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH Vũ Lâm
- :Địa chỉ : Số 305 đường Hai Bà Trưng - Phường Cát Dài- Quận Lê Chân- Thành Phố Hải phòng
- :Mã số thuế : 020078240
- :Vốn điều lệ : 2.000.000.000
- :Người địa diện pháp lý : Lương Hồng Vũ
- :Điện thoại :0313951297
- :Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH 1 thành viên
- :Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công ty TNHH Vũ Lâm thành lập ngày 28 tháng 12 năm 2007.

Giấy phép đăng kí kinh doanh số 0202006100 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hải Phòng cấp.

Thời gian đầu khi mới thành lập Công ty TNHH Vũ Lâm có quy mô vừa và nhỏ, đội ngũ nhân viên ít, cơ sở trang thiết bị còn thiếu thốn. Kể từ đó cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau gần 10 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

- Năm 2006 thành lập công ty TNHH Vũ Lâm chuyên sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ cùng đội ngũ nhân sự gồm 48 người.

- Năm 2012 công ty đã mở rộng thị trường cung cấp các sản phẩm đồ gỗ trên toàn quốc. Từ khi thành lập, Công ty đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và đã không ngừng đổi mới công nghệ, quản lý sản xuất chuyên nghiệp, đội ngũ kỹ thuật lành nghề, có trách nhiệm cao trong công việc, công ty TNHH Vũ Lâm mang đến những sản phẩm có chất lượng cao, tiến độ giao hàng đảm bảo, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng mọi yêu cầu và nhu cầu khác nhau của nhiều thị trường.

Với phương châm “Thành tín hợp tác – Đoàn kết phát triển!” Công ty TNHH Vũ Lâm đã luôn nỗ lực cả về nhân lực, vật lực, xây dựng uy tín thương hiệu, niềm tin của khách hàng với những sản phẩm mà chúng tôi cung cấp.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là sản xuất, phân phối và lắp đặt các mặt hàng, sản phẩm từ gỗ.

Trong đó Công ty sản xuất các sản phẩm hàng gỗ trang trí nội thất, đồ gia dụng và văn phòng chủ yếu như: bàn ăn, bàn làm việc, bàn trang điểm, giường, tủ, bàn, ghế và một số sản phẩm gia dụng khác...

❖ Chức năng

Công ty TNHH Lâm Vũ là một công ty hạch toán độc lập có chức năng sản xuất các sản phẩm hàng gỗ trang trí nội thất, đồ gỗ gia dụng và văn phòng : bàn ăn, bàn làm việc, bàn trang điểm, ghế, giường, tủ và một số sản phẩm gia dụng khác ...

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn của công ty

Công ty TNHH Vũ Lâm là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do Nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập

- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước

- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi

- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước

- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật

- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:

- Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện cho công ty về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

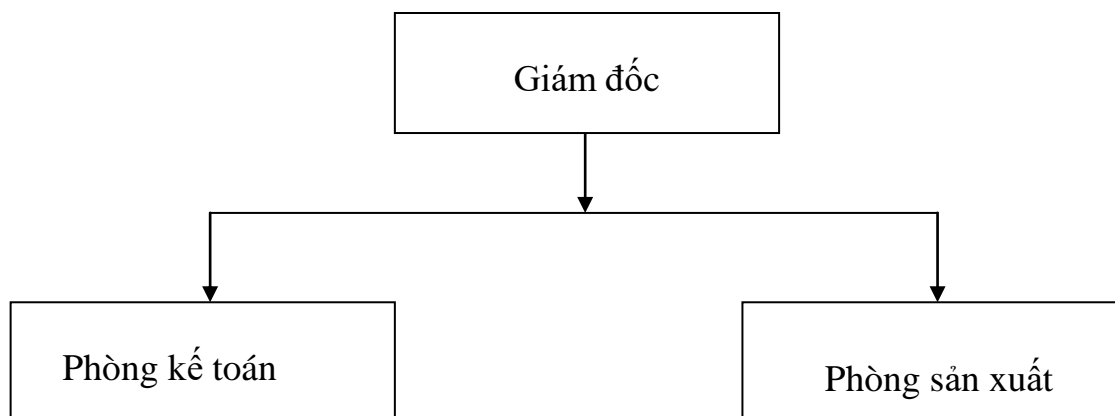
- Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh như quảng cáo, triển lãm sản phẩm, mở các đại lý bán hàng

- Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty

Công ty có bộ máy tổ chức hoạt động kinh doanh tập chung theo quy mô vừa và nhỏ. Có thể khái quát cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty qua sơ đồ sau :

Sơ đồ 12: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Công ty có một hệ thống tổ chức hoạt động kinh doanh tương đối gọn nhẹ phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Chức năng của từng phòng ban

➤ Ban giám đốc công ty:

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ Phòng Kế toán:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ Phòng sản xuất :Quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng. Công tác quản lý vật tư, thiết bị. Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại công ty, công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản mẫu mã mới, kiểm định chất lượng sản phẩm. Phối hợp với các phòng ban, trực tiếp quản lý các ca trưởng và nhân viên trong xưởng, dưới sự chỉ đạo của giám đốc và phó giám đốc.

➤ Phân xưởng sản xuất: Nơi các công nhân sản xuất, vận hành, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, quản lý nguyên nhiên vật liệu chống lãng phí, thất thoát. Quản lý và quan tâm đến người lao động. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc giao.

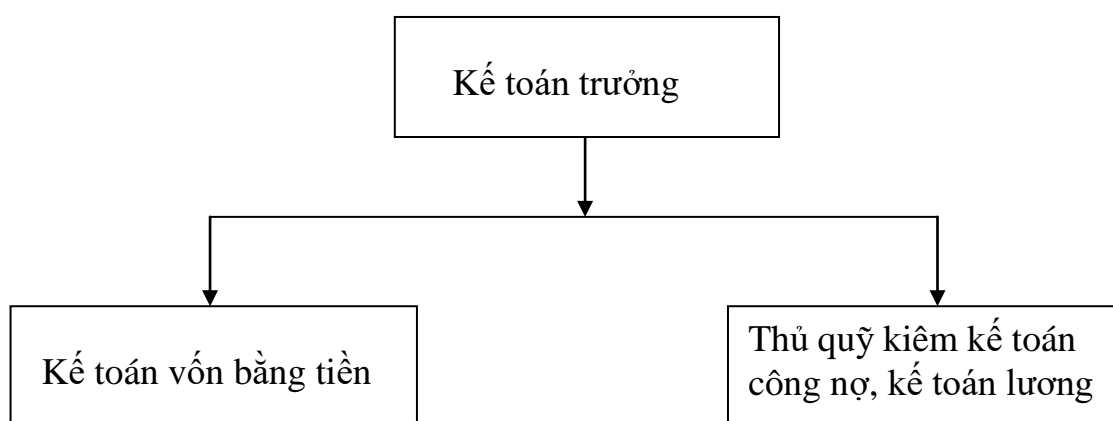
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Vũ Lâm

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:



Sơ đồ 13: Bộ máy kế toán Công ty TNHH Vũ Lâm

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác kế toán, quản lý tài chính của công ty và mọi hoạt động của phòng. Có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán thống nhất, ghi chép phản ánh trung thực quá trình kinh doanh tại DN. Giúp giám đốc tìm nguồn vốn đảm bảo thỏa mãn nhu cầu cho vốn cho quá trình kinh doanh, kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định của Nhà nước về lĩnh vực tài chính đối với hoạt động kinh doanh của DN, việc xây dựng và thực hiện các hợp đồng kinh tế, các chương trình khuyến mại, hỗ trợ và giảm giá hàng hóa... giúp giám đốc phân phối một cách hợp lý thu nhập bằng tiền của DN cho việc bù đắp các chi phí đã bỏ ra để hình thành các quỹ của DN.

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Theo dõi sự thay đổi tỷ giá tại thời điểm ghi nợ, thời điểm thanh toán, từ đó xử lý chênh lệch tỷ giá. Kiểm kê các giấy tờ, các hợp đồng có sự tham gia của ngân hàng, theo dõi các khoản vay nợ và trả nợ với ngân hàng, theo dõi các khoản thu chi tạm ứng tiền mặt của Công ty, quản lý vốn tiền mặt của Công ty.

- **Thủ quỹ kiêm kế toán công nợ, kế toán lương:**

+ **Thủ quỹ:** Phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo thực tế tiền mặt bằng số dư trên sổ sách.

+ **Kế toán công nợ, kế toán lương:** Phản ánh các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và các khoản phải nộp, phải cấp cũng như tình hình thanh toán và còn phải thanh toán. Đồng thời ghi chép các nghiệp vụ thanh toán và tính tiền lương, các khoản trích theo lương tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- **Niên độ kế toán :** Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng :** Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

- **Phương pháp tính thuế GTGT :** Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giá trị hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với thuế nhập khẩu , chi phí vận chuyển , bốc dỡ...

- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Bình quân liên hoàn

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định:** Phương pháp khấu hao đường thẳng

- **Hình thức kế toán:** Hình thức sổ kế toán mà Công ty đã và đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

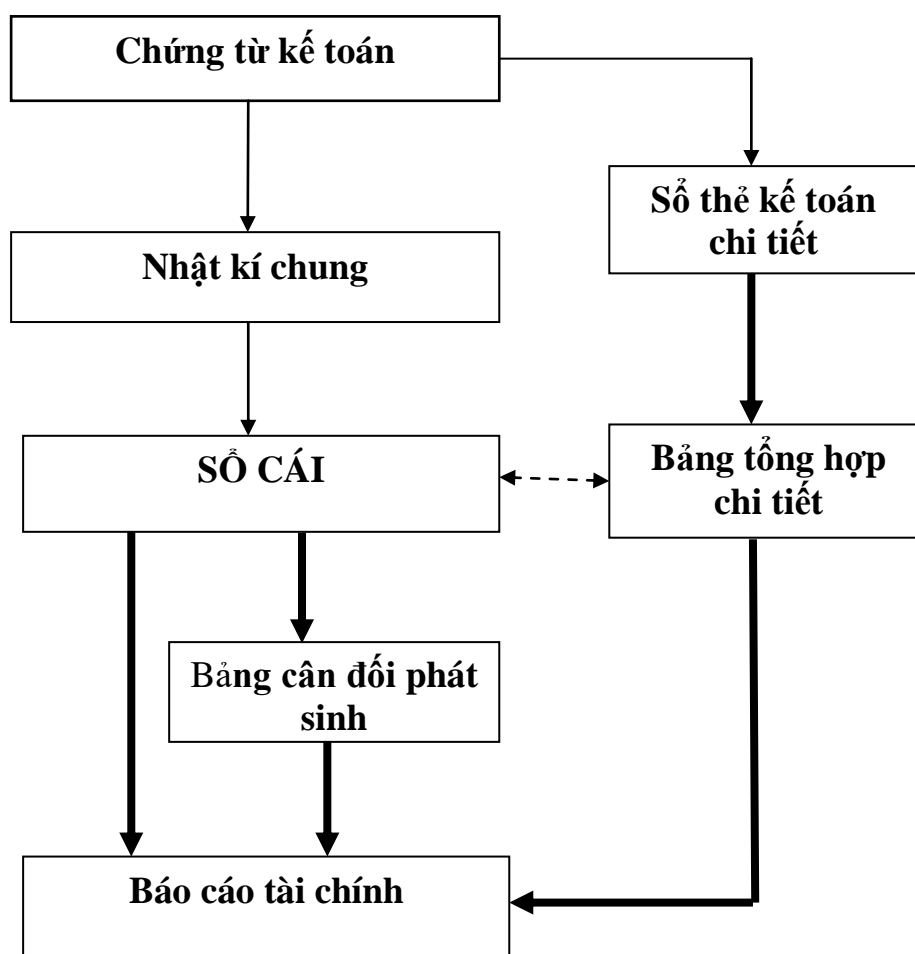
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính, hệ thống chứng từ của công ty sử dụng theo đúng quyết định của Bộ Tài chính.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào Sổ cái các tài khoản, từ Sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Vũ Lâm được khái quát theo sơ đồ 13 như sau:



Sơ đồ 14: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống Báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09-DN)

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty

Công ty TNHH Vũ Lâm là một doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Doanh thu bán hàng của công ty bao gồm doanh thu bán các loại gỗ thành phẩm và các loại sản phẩm gỗ trang trí nội thất, đồ gia dụng và văn phòng chủ yếu như bàn ăn, bàn làm việc, bàn trang điểm, giường, tủ, bàn, ghế và một số sản phẩm gia dụng khác ...

Công ty TNHH Vũ Lâm đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là: bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, công ty lớn.

- Bán lẻ: là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Khách hàng chủ yếu là cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan.

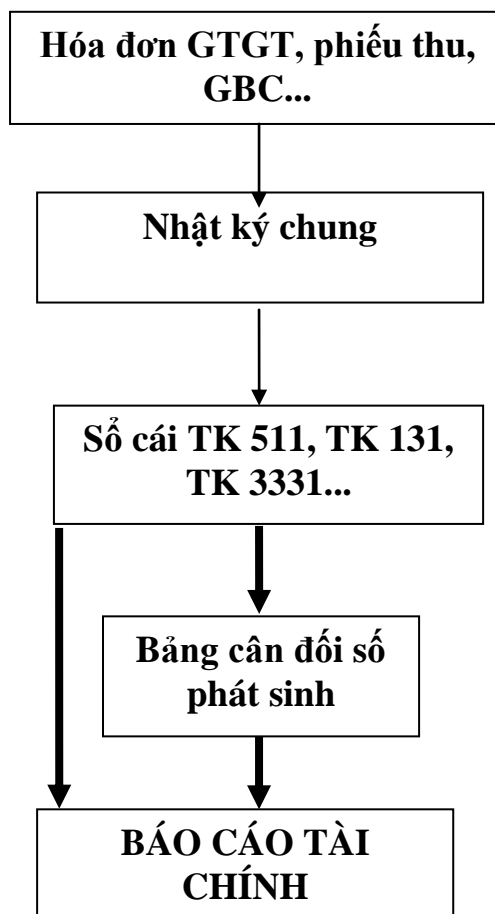
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

- TK 3331 - “Thuế GTGT đầu ra”
- TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các tài khoản khác.

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, phiếu xuất kho sau khi được viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó, kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa.



Sơ đồ 15: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2016 Công ty bán gỗ tẻ đã xẻ thành phẩm cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm đã thanh toán qua chuyển khoản số tiền :260.040.000 (cả thuế GTGT)

Biểu số 2.1: HDGTGT số 0000216

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 03 tháng 12 năm 2016</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000216</p>																																								
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Vũ Lâm Mã số thuế: 0200782467 Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng Điện thoại: ...031.3632302..... Số tài khoản:.....</p>																																									
<p>Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: .Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm Mã số thuế:...0200707645..... Địa chỉ:Thôn Lôi Động-Xã Hoàng Động- Huyện Thủy Nguyên- Thành phố Hải Phòng..... Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....</p>																																									
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 20%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">A</td> <td style="text-align: center;">B</td> <td style="text-align: center;">C</td> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">$3 = 1 \times 2$</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm</td> <td style="text-align: center;">M^3</td> <td style="text-align: center;">12</td> <td style="text-align: right;">19.700.000</td> <td style="text-align: right;">236.400.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td style="text-align: right;">236.400.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td colspan="2" style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT:</td> <td style="text-align: right;">23.640.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td style="text-align: right;">260.040.000</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$		Gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm	M^3	12	19.700.000	236.400.000	Cộng tiền hàng:					236.400.000	Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		23.640.000	Tổng cộng tiền thanh toán					260.040.000
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																				
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$																																				
	Gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm	M^3	12	19.700.000	236.400.000																																				
Cộng tiền hàng:					236.400.000																																				
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		23.640.000																																				
Tổng cộng tiền thanh toán					260.040.000																																				
<p>Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng/</p>																																									
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>																																					
<p><small>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small></p>																																									

Biểu số 2.2: Giấy báo có 043



Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 03/12/2016

GDV: NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 43

Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mã số thuế: 020078240

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có 1020001421756

Số tiền bằng số 260.040.000

Số tiền bằng chữ Hai trăm sáu mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng,

Nội dung Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm thành toán tiền hàng ngày 03/12/2016.

GIAO DỊCH VIÊN

Teller

(Đã ký)

KIỂM SOÁT

Supervisor

(Đã ký)

Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

(Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ
48/2006QĐ-BTC

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài,
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
HDGTGT 0000216	03/12	Bán hàng cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm	112	260.040.000	
			511		236.400.000
			3331		23.640.000
				
HDGTGT 0000230	08/12	Bán hàng cho công ty TNHH Livax Việt Nam	131	173.360.000	
			511		157.600.000
			3331		15.760.000
				
		Cộng phát sinh		44.920.797.692	44.920.797.692

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: Trích Sổ cái 511 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...		
03/12	HĐGTGT 0000216	03/12	Bán hàng cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm	112		236.400.000
					
08/12	HĐGTGT 0000230	08/12	Bán hàng cho công ty TNHH Livax Việt Nam	131		157.600.000
...		
31/12	PKC 01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	19.353.027.193	
...		
			Cộng số phát sinh		19.353.027.193	19.353.027.193
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Việc tính toán giá trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

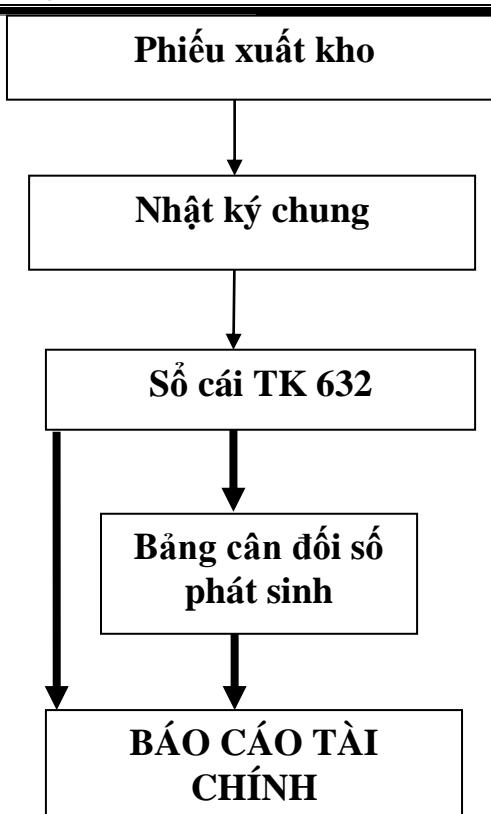
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa
- TK 111, 112...

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 16: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1 :Ngày 03/12/2016 Công ty bán gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm đã thanh toán qua chuyển khoản số tiền :260.040.000 (cả thuế GTGT)

Ví dụ 2: Ngày 08/12/2016 Công ty bán gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm cho Công ty TNHH Livax Việt Nam, chưa thanh toán:173.360.000 (cả thuế GTGT)

Tính đơn giá xuất kho gỗ tần bì thành phẩm theo phương pháp bình quân liên hoàn:

Tồn đầu kì:

-Ngày 01/12/2017: tồn 21,3 m³ gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm với đơn giá 18.100.000 đ/1 m³

Nhập trong kì:

-Ngày 02/12/2017 nhập 30 m³ gỗ tần bì thô với đơn giá 18.000.000 đ/1 m³

$$21,3 \cdot 18.100.000 + 30 \cdot 18.000.000$$

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\quad}{21,3 + 30} = 18.041.520$$

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 43

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2016

Nợ: 632

Số: 043

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hằng

Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cầm

Lý do xuất kho: Bán trực tiếp

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm: Kho hàng của công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm		M ³	12	12	18.041.520	216.498.240
	Cộng	X	x	x	x	x	216.498.240

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 03 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 47

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mẫu số: 02 - VT

Địa chỉ : Số 305 Hai Bà Trưng, (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)
 phố Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: 632

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Có: 156

Số: 047

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh Mai

Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH Livax Việt Nam

Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm: Kho hàng của công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm		M ³	7.92	7.92	18.041.520	142.888.838
	Cộng	X	x	x	x	x	142.888.838

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi ba ngàn chín trăm ba mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 08 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Giám đốc (Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Điều số 2.7: Sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mẫu số: S03a-DNN

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
					
03/12	PX 043	03/12	Xuất kho bán hàng cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm	632	216.498.240	
				156		216.498.240
03/12	GBC 043	03/12	Doanh thu bán hàng cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm	112	260.040.000	
				511		236.400.000
				3331		23.640.000
					
08/12	PX 047	09/12	Xuất kho bán hàng cho Công ty TNHH Livax Việt Nam	632	142.888.838	
				156		142.888.838
08/12		09/12	Doanh thu bán hàng cho Công ty TNHH Livax Việt Nam	131	173.360.000	
				511		157.600.000
				3331		15.760.000
					
			Cộng cuối năm		44.920.797.692	44.920.797.692

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Tài khoản: 632

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			
					
03/12	PX 043	03/12	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm	156	216.498.240	
					
08/12	PX 047	08/12	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH Livax Việt Nam	156	142.888.838	
					
31/12	KC 03	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		16.784.422.394
			Cộng số phát sinh tháng		<u>16.784.422.394</u>	<u>16.784.422.394</u>
			<u>Số dư cuối tháng</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như tiền lãi gửi Ngân hàng;

- Chi phí tài chính của Công ty là khoản tiền trả lãi vay trong quá trình hoạt động.

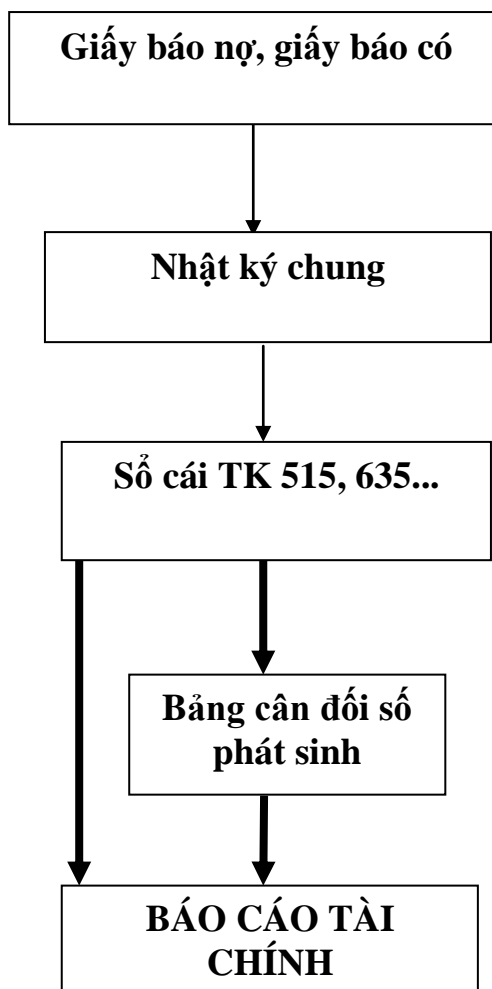
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh;
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 17: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

2.2.3.5 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2016 công ty nhận được giấy báo có của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về số tiền lãi nhận được tháng 12 là 393.304.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2016 công ty nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về số tiền lãi phải trả tháng 12 là 5.769.152

Biểu số 2.9:

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2016

GDV: NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 25

Mã KH: 44048

Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mã số thuế: 020078240

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có 1020001421756

Số tiền bằng số 393.304

Số tiền bằng chữ Ba trăm chín mươi ba nghìn ba trăm lẻ bốn đồng.

Nội dung Lãi tiền gửi tháng 12.

GIAO DỊCH VIÊN

Teller

(Đã ký)

KIỂM SOÁT

Supervisor

(Đã ký)

Biểu số 2.10:

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31/12/2016

GDV: NGUYEN THU HANG

Mã KH: 44048

Số GD: 44ANG

Mã KH: 44048

Kính gửi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mã số thuế: 020078240

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có 1020001421756

Số tiền bằng số 5.769.152

Số tiền bằng chữ *Năm triệu bảy trăm sáu chín nghìn một trăm năm hai đồng.*

Nội dung Lãi vay tháng 12.

GIAO DỊCH VIÊN

Teller
(Đã ký)

KIỂM SOÁT

Supervisor
(Đã ký)

Biểu số 2.11: Sổ nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm
Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
					
31/12	GBC 49	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12	112	393.304	
			515		393.304
					
31/12	GBN 34	31/12	Lãi vay tháng 12	635	5.769.152	
			112		5.769.152
					
			Cộng cuối năm		44.920.797.692	44.920.797.692

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)
 (Đã ký)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 515 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm
Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát
Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Tài khoản: 515
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	H	1	2	
			<u>Số dư đầu tháng</u>			-	
						
31/12	GBC 49	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12	112		393.304	
31/12	KC 02	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	4.564.540		
Cộng số phát sinh tháng						<u>4.564.540</u>	<u>4.564.540</u>
<u>Số dư cuối tháng</u>							

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 635 năm 2016

Đơn vị: Công ty Vũ Lâm
Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tên tài khoản: Chi phí tài chính
Tài khoản: 635
Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	H	1	2	
			Số dư đầu tháng			-	
						
31/12	GBN 34	31/12	Chi phí lãi vay T12	112	5.769.152		
31/12	PKC 34	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		63.124.500	
Cộng số phát sinh tháng						<u>63.124.500</u>	<u>63.124.500</u>
Số dư cuối tháng							

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Đã ký)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Tại Công ty TNHH Vũ Lâm, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí về lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng...

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

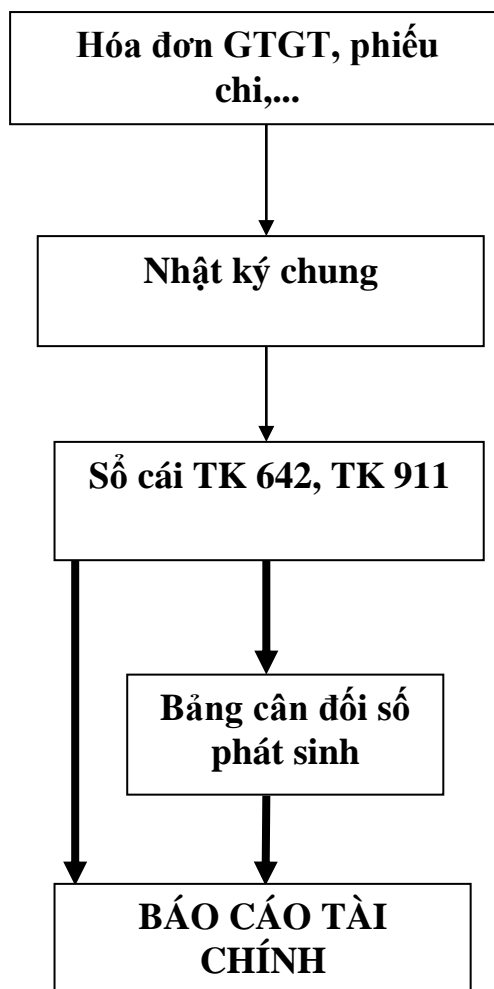
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Sơ đồ 17: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

Ngày 11/12/2016, công ty thanh toán tiền mua văn phòng phẩm phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp, số tiền là 1.395.900.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.16), kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu 2.17).
- Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.18).
- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 2.14: HDGTGT số 0000225

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> <i>Ngày 11 tháng 12 năm 2016</i></p>				<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0000225</p>	
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH G2 QUỐC TẾ Địa chỉ: An Đồng - An Dương - Hải Phòng Số tài khoản:..... Điện thoại: 0313680240 MST: 0200726053</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Nga Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm Mã số thuế: 020072940 Hình thức thanh toán: TM Địa chỉ: : Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng Số tài khoản:.....tại Ngân hàng.....</p>					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Giấy photo A4	Ream	20	53.500	1.070.000
2	Giấy than Hồng Hà	Tập	03	47.000	141.000
3	Ghim dập kw	Hộp	02	29.000	58.000
Cộng tiền hàng:					1.269.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		216.900
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.395.900
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng.</i>					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>(Đã ký)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> <p>(Đã ký)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p> <p>(Đã ký)</p>	

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 034

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Địa chỉ : Số 305 Hai Bà Trưng,
Phường Cát Dài, Quận Lê Chân,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

Quyển số:

Số: PC 034

Nợ: 642.133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Nga

Địa chỉ: Nhân viên - Kế toán

Đơn vị công tác (DN): Công ty TNHH Vũ Lâm

Lý do nộp: Thanh toán tiền văn phòng phẩm

Số tiền: 1.395.900

(Viết bằng chữ): *Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng.*

Kèm theo:Chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng./.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

* Để theo dõi quá trình bán hàng và doanh thu bán hàng, kế toán căn cứ vào chứng từ để ghi vào các sổ kế toán có liên quan.

Biểu số 2.16: Sổ nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm
Địa chỉ: : Số 305 Hai Bà Trưng,
Phường Cát Dài, Quận Lê Chân,
Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
					
05/12	PC 28	02/12	Thanh toán tiền điện thoại	642	1.719.350	
				133	171.935	
				111		1.891.285
					
11/12	PC34	11/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1.269.000	
				133	126.900	
				111		1.395.900
					
20/12	GBN 26	09/12	Phí báo SMS	642	20.000	
				112		20.000
21/12	GBN 28	09/12	Phí chuyển tiền	642	11.000	
				112		11.000
					
			Cộng cuối năm		44.920.797.692	44.920.797.692

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 642 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản: 642

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu tháng		-	
					
05/12	PC 28	05/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	1.719.350	
					
11/12	PC 34	11/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.269.000	
13/12	PC 38	13/12	Thanh toán tiền xăng	111	3.396.190	
					
17/12	PC 42	17/12	Mua bình nước lọc	111	2.500.000	
					
20/12	GBN 26	20/12	Phí báo SMS	112	20.000	
					
31/12	KC 05	31/12	Kết chuyển CP QLDN	911		587.037.176
Cộng số phát sinh tháng					<u>587.037.176</u>	<u>587.037.176</u>
Số dư cuối tháng						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016 Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, Công ty TNHH Vũ Lâm cũng không nằm ngoài quan điểm trên, kết quả kinh doanh của công ty chính là kết quả bán hàng.

2.2.6.2 Chứng từ sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 642...

2.2.6.3 Tài khoản sử dụng

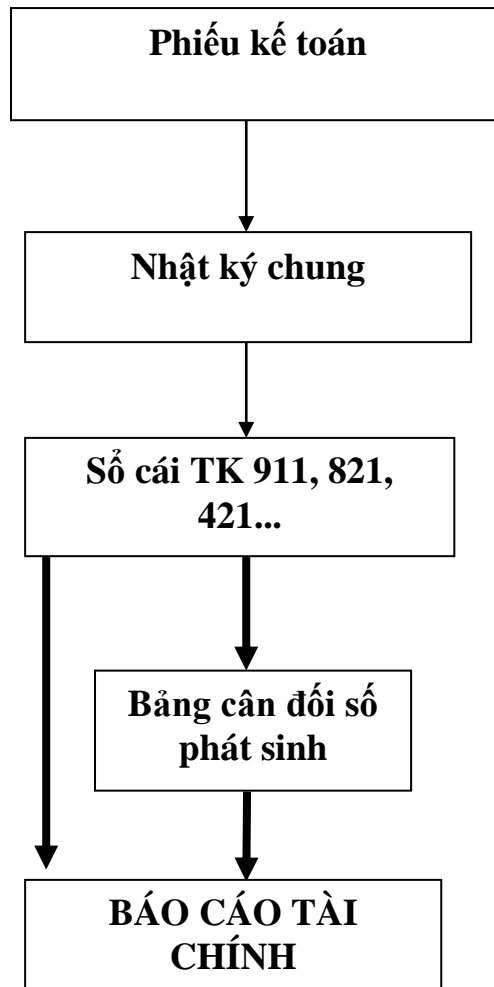
TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.6.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 18: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Ví dụ minh họa

Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2016

Biểu số 2.18 :Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	19.353.027.192
			Cộng			19.353.027.192

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19 :Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.564.540
			Cộng			4.564.540

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20:Trích phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	16.784.442.394
			Cộng			16.784.442.394

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21:Trích phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển Chi phí tài chính.	911	635	63.124.500
			Cộng			63.124.500

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22: Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển Chi phí Quản lý kinh doanh	911	642	587.037.176
			Cộng			587.037.176

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23: Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 36

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Chi phí thuế TNDN	821	3334	294.130.909
			Cộng			294.130.909

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24 :Trích phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 37

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	294.130.909
			Cộng			294.130.909

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25 :Trích phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty TNHH Vũ Lâm

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 38

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển lãi	911	421	1.176.523.683
			Cộng			1.176.523.683

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

(**Mẫu số S03a-DNN**
Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài,
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển DTBH	511	19.353.027.192	
				911		19.353.027.192
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	4.564.540	
				911		4.564.540
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	16.784.442.394	
				632		16.784.442.394
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển CPTC	911	63.124.500	
				635		63.124.500
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	587.037.176	
				642		587.037.176
31/12	PKT 36	31/12	CP thuế TNDN	821	294.130.909	
				3334		294.130.909
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	294.130.909	
				821		294.130.909
31/12	PKT 38	31/12	Kết chuyển lãi	911	1.176.523.683	
				421		1.176.523.683
			Cộng phát sinh		25.643.210.120	25.643.210.120

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27: Trích sổ cái 911

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH Vũ Lâm**

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số:S03b-DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định
Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			

31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		19.353.027.192
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515		4.564.540
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	16.784.442.394	
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển CPTC	635	63.124.500	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	587.037.176	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	294.130.909	
31/12	PKT 38	31/12	Kết chuyển lãi	421	1.176.523.683	
			Cộng phát sinh		19.359.591.732	19.359.591.732
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số : B02-DN

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: Số 305 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200782467

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	19.353.027.192	19.312.226.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			35.754.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		19.353.027.192	19.276.472.114
4. Giá vốn hàng bán	11		16.784.442.394	15.687.965.764
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		2.568.584.800	3.588.506.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		255.484	176.249
7. Chi phí tài chính	22		511.148.559	678.235.682
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lí kinh doanh	24		587.037.176	1.537.644.033
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		1.470.654.579	1.372.802.884
10. Thu nhập khác	31			

11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.470.654.579	1.372.802.884
14. Chi phí thuế TNDN	51		294.130.909	274.560.577
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		1.176.523.683	1.098.242.307

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Vũ Lâm em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

3.1.1. Ưu điểm**a. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty**

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” đơn giản và hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng Quyết định 48 của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung, quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng: phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ

được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá sản phẩm hàng năm.

- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

b. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời: phục vụ đắc lực cho công tác quản lý công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng, kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 nội bộ làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

- Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được chi phí lãi vay trong doanh nghiệp.

- Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt 2 tài khoản chi phí khác và thu nhập khác đã giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

- Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ

dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời; qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên, công ty TNHH Vũ Lâm còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán

Công ty Vũ Lâm là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

❖ Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến công ty không theo dõi được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng và khó theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

❖ Về chính sách bán hàng

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc chokhách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán.

Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Điều này gây ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn nhanh, vòng quay luân chuyển vốn lưu động và mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cũng chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán dẫn đến giảm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp, không thể hạn chế việc khách hàng chiếm dụng vốn của công ty.

3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VŨ LÂM

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với công ty nếu quản lý tốt các kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm vui cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ Nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Vũ Lâm em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

3.2.4.1 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng tại công ty.

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác,... Thông qua doanh thu, giá vốn có thể tính lợi nhuận gộp của từng mặt hàng; từ đó đưa ra những chiến lược phát triển sản phẩm.

Ví dụ 3.1: Lấy lại ví dụ ở chương 2 (Tr.45) cùng với việc ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết bán hàng mở cho từng loại hàng hóa, thành phẩm(Biểu 3.3, 3.4).

Biểu 3.3:

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.4:

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm: Gỗ tòn bì đã xẻ thành phẩm

Năm: 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (m ³)	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
								
03/12	HĐ 216	03/12	Bán cho Cty TNHH đóng tàu Damen-Sông Cấm	112	12	19.700.000	236.400.000		
								
08/12	HĐ 230	08/12	Bán cho chị Mai	131	7.92	19.700.000	157.600.000		
								
			Cộng số phát sinh		1921		13.507.174.076		

- Sổ này có trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời, hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hóa bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (**Biểu 3.5**).

Ví dụ: Trong tháng 12 căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng (**Biểu 3.6**)

Biểu 3.5:

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
					
A	B	C	D	E	1	2	3
			- Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
						
			Cộng phát sinh				
			Ghi có TK				
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 3.6:

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm: Gỗ tần bì đã xẻ thành phẩm

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						Số lượng (m ³)	Đơn giá
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số phát sinh trong kỳ				
03/12	PX 43	03/12	Xuất hàng theo HĐ 216	156	216.498.240	12	18.041.520
						
08/12	PX 47	08/12	Xuất hàng theo HĐ 230	156	142.888.838	7.92	18.041.520
						
			Cộng phát sinh		1.115.243.520	1921	

- Sổ này có trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

• Kế toán theo dõi chi phí quản lý kinh doanh của công ty bằng tài khoản 6422 – Chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng loại mặt hàng sơn.

Công thức phân bổ chi phí quản lý kinh doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý kinh doanh} \\ \text{của từng loại} \\ \text{đầu} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu của từng loại sơn}}{\text{Tổng doanh thu các loại sơn}} \times \text{Chi phí quản} \\ \text{lý kinh doanh}$$

- Chi phí quản lý kinh doanh của Gõ tần bì đã xẻ thành phẩm

$$= \frac{13.507.174.076}{19.353.027.192} \times 587.037.176 = 409.714.369$$

- Chi phí quản lý kinh doanh của Bàn ăn

$$= \frac{1.311.526.240}{19.353.027.192} \times 587.037.176 = 39.782.647$$

Biểu 3.7:**Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Lâm****BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG LOẠI HÀNG HÓA,
THÀNH PHẨM**

STT	Hàng hóa, thành phẩm	Doanh thu	Giá vốn	Chi phí QLKD	KQKD	
					Số tiền	Tỉ trọng
1	Gỗ tần bì đã xẻ tp	13.507.174.076	11.784.442.394	409.714.369	1.313.017.313	66,26%
2	Bàn ăn	1.311.526.240	843.759.630	39.782.647	427.983.963	21,59%
...
	Cộng	19.353.027.192	16.784.442.394	587.037.176	1.981.547.622	100%

Tối đa hóa lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp, từ Bảng xác định kết quả kinh doanh từng loại hàng hóa, thành phẩm ta có thể thấy lợi nhuận từ Gỗ tần bì đem lại là rất lớn 1.313.017.313đ, chiếm 66,26% tỉ trọng tổng lợi nhuận. Doanh nghiệp nên tập trung đầu tư, khai thác lợi nhuận có được từ hàng hóa này.

3.2.4.2 Hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

MISA SME.NET 2012



MISA SME.NET 2017

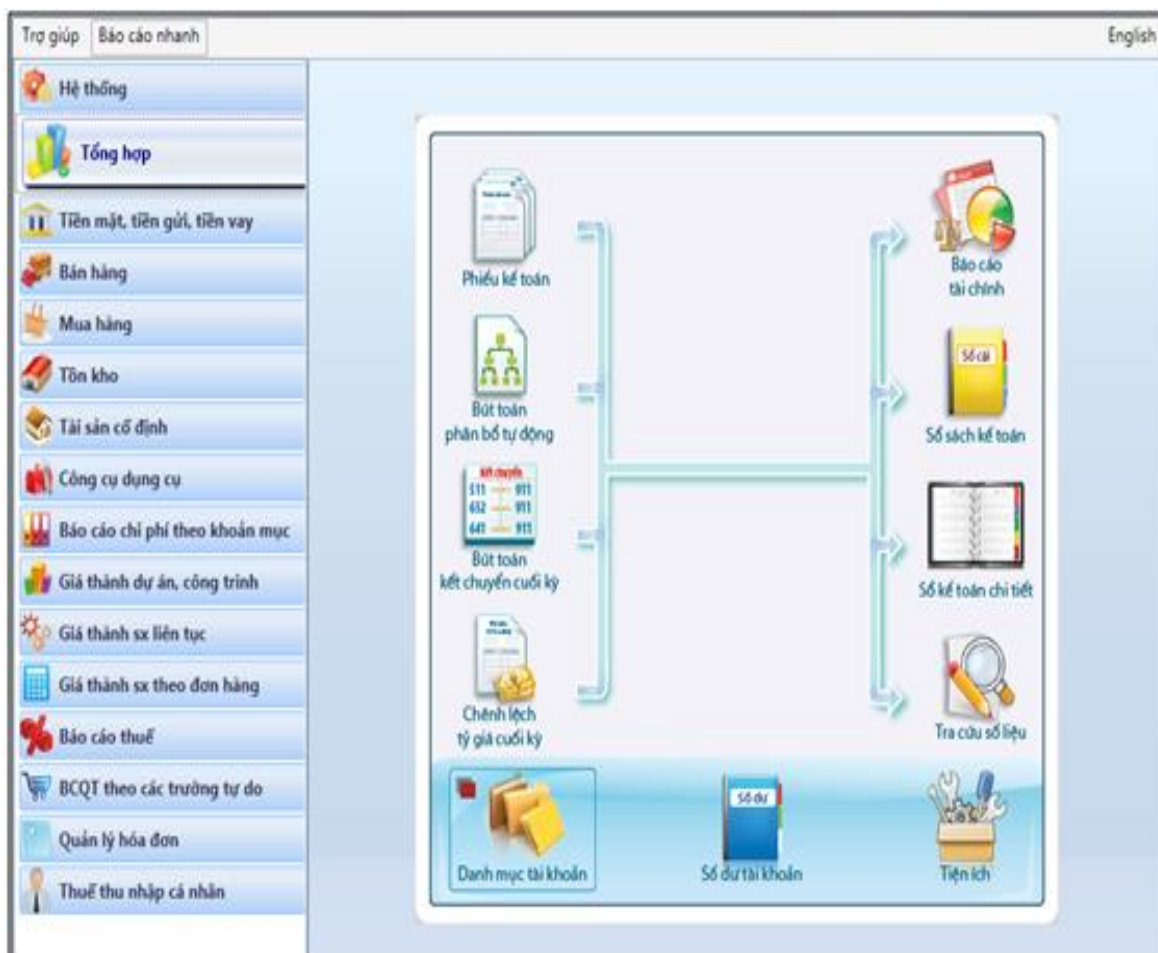
Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

Giá: 9.950.000

Các phân hệ của MISA



*** Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**



Giá: 6.000.000 - 8.000.000

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

KẾT LUẬN

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH Vũ Lâm, em thấy ở công ty đã có nhiều bước tiến vượt bậc nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay. Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, không ngừng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và chiếm được uy tín trên thị trường quản lý sản xuất kinh doanh và sự đóng góp quan trọng của công tác hạch toán kế toán. Bên cạnh đó công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và kế toán đầy năng lực, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý và trình độ năng lực của từng cán bộ nhân viên kế toán. Công ty là một đơn vị chuyên dịch vụ vận chuyển, trong kỳ có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy việc sử dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung là hợp lý vì nó cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công việc. Hệ thống sổ sách kế toán của công ty đầy đủ đúng quy định, từ đó các phần hành kế toán được thực hiện dễ dàng.

Qua đợt tìm hiểu này em cũng nhận ra những điểm khác biệt giữa lý thuyết và thực tế trong chuyên ngành kế toán. Mặc dù vẫn là những định khoản và các loại sổ, chứng từ đã được học trong nhà trường song em vẫn không tránh khỏi những nhầm lẫn hay chưa có sự thông hiểu rõ ràng.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để báo cáo khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo hướng dẫn – ThS. Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Vũ Lâm, cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành báo cáo khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Xuân Nam (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Trương Thị Thủy, Ngô thế Chi (2012), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính (2006), *Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006*, Bộ tài chính.
4. Bộ tài chính (2016), *Thông tư 133/TT-BTC ngày 28/6/2016*, Bộ tài chính
5. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán*, Bộ tài chính.
6. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 – Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
7. Các sổ sách chứng từ kế toán năm 2016 của Công ty TNHH Vũ Lâm